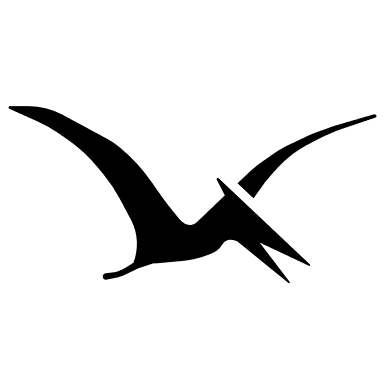
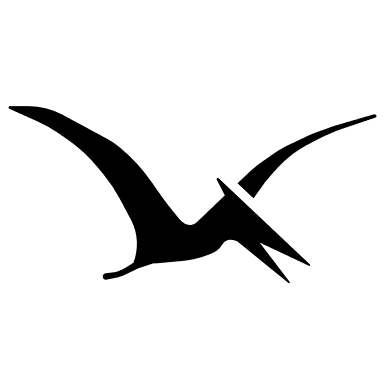
# **LỜI NÓI ĐẦU**

**🕮 **

Qua một thời gian tìm hiểu và thực hiện đến nay đề tài ***“QUẢN LÝ CHUỐI NHÀ HÀNG”*** đã hoàn thành. Trong suốt quá trình thực hiện đề tài, nhóm đề tài đã nhận được rất nhiều sự giúp đỡ nhiệt tình của thầy cô và các bạn.

Nhóm đề tài xin chân thành cảm ơn các thầy, các cô đã trang bị những kiến thức quý báu cho nhóm trong suốt quá trình học tập tại trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM. Đặc biệt là các thầy, các cô trong khoa Công nghệ thông tin đã tận tình giảng dạy, chỉ bảo, trang bị cho nhóm những kiến thức cần thiết nhất trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại khoa, thầy cô đã tạo điều kiện thuận lợi giúp nhóm thực hiện đề tài này.

Nhóm đề tài xin cảm ơn giảng viên hướng dẫn, cô Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ nhóm trong suốt thời gian qua. Nhờ vào sự giúp đỡ chỉ bảo của cô mà nhóm đã hoàn thành đồ án.

Nhóm xin gửi lời cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn luôn động viên, ủng hộ nhóm trong suốt quá trình thực hiện đồ án tốt nghiệp.

Mặc dù nhóm đã cố gắng nỗ lực hết mình để thực hiện để tài nhưng nhóm đề tài không thể tránh khỏi thiếu sót, kính mong sự đóng góp và hướng dẫn của các thầy cô.

*Nhóm đề tài xin chân thành cảm ơn!*

MỤC LỤC

[**CHƯƠNG I: THIẾT KẾ CSDL PHÂN TÁN** 3](#_Toc28882340)

[**I.** **Đặc tả đề tài:** 3](#_Toc28882341)

[*1.* *Giới thiệu đề tài:* 3](#_Toc28882342)

[*2.* *Nhiệm vụ cơ bản:* 3](#_Toc28882343)

[*3.* *Cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm:* 3](#_Toc28882344)

[*4.* *Quy trình xử lý:* 3](#_Toc28882345)

[**II.** **Thiết Kế CSDL:** 5](#_Toc28882346)

[*1.* *Cơ sở dữ liệu tập trung:* 5](#_Toc28882347)

[*2.* *Thiết kế mô hình CSDL Phân tán cho hệ thống:* 7](#_Toc28882348)

[**CHƯƠNG II: XÂY DỰNG CSDL PHÂN TÁN** 19](#_Toc28882349)

[**I.** **Cấu trúc các bảng dữ liệu:** 19](#_Toc28882350)

[**II.** **Mô hình CSDL Phân Tán:** 22](#_Toc28882351)

[**III.** **Một số truy vấn Phân tán trong Hệ quản trị CSDL:** 22](#_Toc28882352)

[**1.** **Câu lệnh SQL:** 22](#_Toc28882353)

[**2.** **Insert Dữ liệu mẫu:** 29](#_Toc28882354)

[**3.** **Stored Procedure và Trigger:** 32](#_Toc28882355)

# **CHƯƠNG I: THIẾT KẾ CSDL PHÂN TÁN**

## **Đặc tả đề tài:**

### *Giới thiệu đề tài:*

Đợt vừa qua nhóm chúng em đã làm phục vụ tại nhà hàng Morico Quận 1 - TP.HCM. Đây là một nhà hàng Nhật và họ hiện đang sử dụng một phần mềm order món ăn cho nhân viên nhưng nó còn rất nhiều hạn chế (gần như chỉ thay thế việc order giấy). Chính vì vậy nhóm chúng em muốn thiết kế ra một phần mềm cao cấp hơn nhằm áp dụng cho đối tượng toàn hệ thống của nhà hàng (và phát triển lên đối tượng toàn chuỗi nhà hàng trong tương lai) bao gồm việc công tác quản lý tạo điều kiện xây dựng một hệ thống thông tin quản lý thỏa mãn những tiêu chuẩn tối ưu nhất về phương diện dữ liệu và thao tác xử lý, đồng thời đáp ứng một cách toàn diện các yêu cầu về một hệ thống thông tin quản lý hoàn chỉnh.

### *Nhiệm vụ cơ bản:*

Nhà hàng có 2 chi nhánh là Chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Hà Nội. Phần mềm quản lý này sẽ hỗ trợ người dùng quản lý hầu hết các tác vụ trong từng nhà hàng để tối ưu hóa sự tiện lợi về nguồn nhân lực và cho phép người sử dụng quản lý - thống kê rõ ràng, chi tiết hơn về các mặt hàng thức ăn cũng như các nguồn thu/chi, lợi nhuận. Mục tiêu phần mềm hướng đến là người dùng có thể thực hiện các chức năng một cách đơn giản thông qua vài cái click chuột. Đảm bảo chính xác, tiện lợi và dễ sử dụng. Thuận tiện trong việc bán và mua các mặt hàng thức ăn. Đảm bảo chương trình thực thi nhanh chóng.

### *Cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm:*

Phần mềm áp dụng cho các nhà hàng tầm trung. Phần mềm cho phép người dùng đăng nhập dưới 2 phân quyền là Quản Lý nhà hàng và Nhân Viên.

Được phân quyền sử dụng rõ ràng, chẳng hạn như Quản lý nhà hàng được thực hiện tất cả các quyền của phần mềm còn nhân viên thì bị hạn chế một số quyền, cụ thể như sau:

* Với phân quyền Quản lý thì bạn có thể quản lý các tác vụ như: đăng nhập, thêm/xóa/sửa các tài khoản nhân viên, tìm kiếm thông tin nhân viên theo mã nhân viên, thêm/xóa/sửa thông tin bàn, thêm/xóa/sửa thông tin loại món ăn, thêm/xóa/sửa thông tin món ăn, gọi món, in, thống kê doanh thu, đăng xuất.
* Với phân quyền NhânViên, mỗi nhân viên có thể: thêm/xóa/sửa thông tin loại món ăn, thêm/xóa/sửa thông tin món ăn,gọi món, thống kê doanh thu, đăng xuất.

### *Quy trình xử lý:*

Khi có khách. Nhân viên kiểm tra các bàn ở quán, nếu còn bàn trống nhân viên sẽ thực hiện thao tác “thêm bàn”. Nếu các bàn đã full nhân viên kiểm tra trạng thái thanh toán của các bàn (đã thanh toán hay chưa) và có thể thông báo với khách.

Khi khách hàng gọi món. Nhân viên chọn món mà khách hàng gọi. Sau đó bấm “hoàn thành”. Danh sách món sẽ được gửi cho quầy bartender (nếu là món dessert), Danh sách món sẽ được gửi cho bộ phận bếp (nếu là food). Sau khi danh sách món ăn đã được lập ra. Khi có món nhân viên sẽ đem ra cho khách.

Khi khách ăn xong thì nhân viên tính tiền cho khách bằng cách click vào bàn cần tính tiền và nhấn nút tính tiền, khi đó sẽ hiện ra số tiền mà khách hàng phải trả và in hóa đơn cho khách. Sau khi hết ngày, Quản lý nhà hàng sẽ thống kê được khoản thu trong ngày/tuần/tháng/năm.

## **Thiết Kế CSDL:**

### *Cơ sở dữ liệu tập trung:*

Ảnh có chứa bản đồ

Mô tả được tạo tự động

Hình 1: Cơ Sở Dữ Liệu

CHINHANH(idchinhanh, tenchinhanh, diachi, sodienthoai)

BOPHAN(idbophan, tenbophan, mota, idchinhanh, sodienthoai)

NHANVIEN(idnhanvien, tennhanvien, diachi, sodienthoai, email, luong, chucvu, gioitinh, ngaysinh, ngaybatdau, idbophan, quyen)

KHACHHANG(idkhachhang, tenkhachhang, sodienthoai, diachi)

BAN(idban, tenban, trangthai, idchinhanh)

HOADON(idhoadon, trangthaithanhtoan, thoigian, code, idkhachhang, idban, idnhanvienthanhtoan, tongtien)

CHITIETHOADON(idhoadon, giahientai, idmon, VAT, soluong, thanhtien)

THUCDON(idmon, tenmon, idloaithucdon, dongia, mota, hinhanh, idnguyenlieu, donvitinh)

LOAITHUCDON(idloaithucdon, tenloaithucdon, trangthai)

NGUYENLIEU(idnguyenlieu, tennguyenlieu, trangthai, mota, soluong, gianhap, donvitinh, idloainguyenlieu, idkho)

LOAINGUYENLIEU(idloainguyenlieu, tenloainguyenlieu)

KHO(idkho, tenkho, diachi, sodienthoai, idbophan)

CHITIETKHO(idkho, idnguyenlieu, soluongton)

CHINHANH(idchinhanh, tenchinhanh, diachi, sodienthoai)

NHACUNGCAP(idnhacungcap, tennhacungcap, diachi)

HOADONNHAP(idhoadonnhap, idnhacungcap, ngaynhap, tinhtrang, idnhanvien, thanhtien, idkho)

CHITIETHOADONNHAP(idhoadonnhap, idnguyenlieu, gianhap, soluong, thanhtien)

# **CHƯƠNG I: THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU PHÂN TÁN**

## **Cấu trúc các bảng dữ liệu:**

TABLE CHINHANH:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idchinhanh | Mã chi nhánh | nvarchar(10) | Khóa chính |
| 2 | tenchinhanh | Tên chi nhánh | nvarchar(40) |  |
| 3 | diachi | Địa chỉ chi nhánh | nvarchar(60) |  |
| 4 | sodienthoai | Số điện thoại chi nhánh | nvarchar(24) |  |

TABLE BOPHAN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idbophan | Mã bộ phận | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenbophan | Tên bộ phận | nvarchar(40) |  |
| 3 | mota | Mô tả chức năng bộ phận | nvarchar(max) |  |
| 4 | sodienthoai | Số điện thoại bộ phận | nvarchar(24) |  |
| 5 | idchinhanh | Mã chi nhánh | nvarchar(10) | Khóa ngoại |

TABLE NHANVIEN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idnhanvien | Mã nhân viên | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tennhanvien | Tên nhân viên | nvarchar(60) |  |
| 3 | diachi | Địa chỉ | nvarchar(40) |  |
| 4 | sodienthoai | Số điện thoại | nvarchar(24) |  |
| 5 | email | Email | nvarchar(40) |  |
| 6 | luong | Lương | money |  |
| 7 | chucvu | Chức vụ | nvarchar(20) |  |
| 8 | gioitinh | Giới tính | nvarchar(10) |  |
| 9 | ngaysinh | Ngày sinh | date |  |
| 10 | ngaybatdau | Ngày bắt đầu làm | date |  |
| 11 | Quyen | Quyền | nvarchar(20) |  |
| 12 | idbophan | Mã bộ phận | nvarchar(20) | Khóa ngoại |

TABLE KHACHHANG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idkhachhang | Mã khách hàng | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenkhachhang | Tên khách hàng | nvarchar(40) |  |
| 3 | sodienthoai | Số điện thoại | nvarchar(24) |  |
| 4 | diachi | Địa chỉ | nvarchar(40) |  |

TABLE BAN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idban | Mã bàn | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenban | Tên bàn | nvarchar(50) |  |
| 3 | trangthai | Trạng thái bàn | nvarchar(20) |  |
| 4 | idchinhanh | Mã chi nhánh | nvarchar(10) | Khóa ngoại |

TABLE PHUCVUBAN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idban | Mã bàn | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 2 | idnhanvien | Mã nhân viên | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 3 | caphucvu | Ca phục vụ | nvarchar(20) |  |
| 4 | SLK | Số lượng khách | smallint |  |

TABLE HOADON

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idhoadon | Mã hóa đơn | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | trangthai | Trạng thái | nvarchar(10) |  |
| 3 | thoigian | Thời gian | datetime |  |
| 4 | code | Mã khuyến mãi | nvarchar(250) |  |
| 5 | idkhachhang | Mã khách hàng | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 6 | idnhanvienthanhtoan | Mã nhân viên | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 7 | idban | Mã bàn | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 8 | tongtien | Tổng tiền | money |  |

TABLE CHITIETHOADON

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idhoadon | Mã hóa đơn | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 2 | VAT | Thuế | float | Khóa ngoại |
| 3 | giahientai | Giá hiện tại | money |  |
| 4 | idmon | Mã món | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 5 | soluong | Số lượng | smallint |  |
| 6 | thanhtien | Thành tiền | money |  |

TABLE THUCDON

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idmon | Mã món | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenmon | Tên món | nvarchar(60) |  |
| 3 | idloaithucdon | Mã thực đơn | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 4 | dongia | Đơn giá | money |  |
| 5 | mota | Mô tả | nvarchar(250) |  |
| 6 | hinhanh | Hình ảnh món | image |  |
| 7 | idnguyenlieu | Mã nguyên liệu | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 8 | donvitinh | Đơn vị tính | nvarchar(20) |  |

TABLE LOAITHUCDON

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idloaithucdon | Mã loại thực đơn | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenloaithucdon | Tên loại thực đơn | nvarchar(60) |  |
| 3 | trangthai | Trạng thái | nvarchar(10) |  |

TABLE NGUYENLIEU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idnguyenlieu | Mã nguyên liệu | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tennguyenlieu | Tên nguyên liệu | nvarchar(40) |  |
| 3 | donvitinh | Đơn vị tính | nchar(20) |  |
| 4 | trangthai | Trạng thái | nvarchar(10) |  |
| 5 | mota | Mô tả | nvarchar(250) |  |
| 6 | soluong | Số lượng | smallint |  |
| 7 | gianhap | Giá nhập | money |  |

TABLE LOAINGUYENLIEU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idloainguyenlieu | Mã loại nguyên liệu | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenloainguyenlieu | Tên loại nguyên liệu | nvarchar(60) |  |

TABLE KHO

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idkho | Mã kho | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tenkho | Tên kho | nvarchar(40) |  |
| 3 | diachi | Địa chỉ | nvarchar(40) |  |
| 4 | sodienthoai | Số điện thoại | nvarchar(24) |  |
| 5 | idbophan | Mã bộ phận | nvarchar(20) | Khóa ngoại |

TABLE CHITIETKHO

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idkho | Mã kho | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | idnguyenlieu | Mã nguyên liệu | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 3 | Soluongton | Số lượng tồn | smallint |  |

TABLE NHACUNGCAP

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idnhacungcap | Mã nhà cung cấp | nvarchar(20) | Khóa chính |
| 2 | tennhacungcap | Tên nhà cung cấp | nvarchar(40) |  |
| 3 | diachi | Địa chỉ | nvarchar(40) |  |

TABLE HOADONNHAP

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idhoadonnhap | Mã hóa đơn nhập | nvarchar(10) | Khóa chính |
| 2 | idnhacungcap | Mã nhà cung cấp | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 3 | ngaynhap | Ngày nhập | date |  |
| 4 | tinhtrang | Tình trạng | nvarchar(5) |  |
| 5 | idnhanvien | Mã nhân viên | nvarchar(20) | Khóa ngoại |
| 6 | thanhtien | Thành tiền | money |  |
| 7 | idkho | Mã kho | nvarchar(20) | Khóa ngoại |

TABLE CHITIETHOADONNHAP

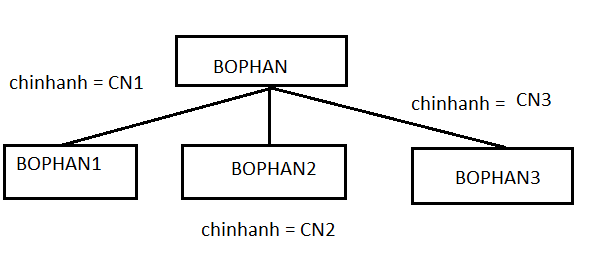
|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên Cột | Mô Tả | Kiểu Dữ Liệu | Ghi chú |
| 1 | idhoadonnhap | Mã hóa đơn nhập | nvarchar(10) | Khóa chính |
| 2 | idnguyenlieu | Mã nguyên liệu | nvarchar(20) |  |
| 3 | gianhap | Giá nhập | money |  |
| 4 | soluong | Số lượng | smallint |  |
| 5 | thanhtien | Thành tiền | money |  |

## **Mô hình CSDL Phân Tán:**

TABLE \_BOPHAN

BOPHAN (Bộ phận) được phân ra làm 3 phân mảnh ngang theo từng chi nhánh bao gồm:

* + Bộ phận chi nhánh CN1.
  + Bộ phận chi nhánh CN2.
  + Bộ phận chi nhánh CN3.



BoPhan1 = бChiNhanh = CN1 BoPhan

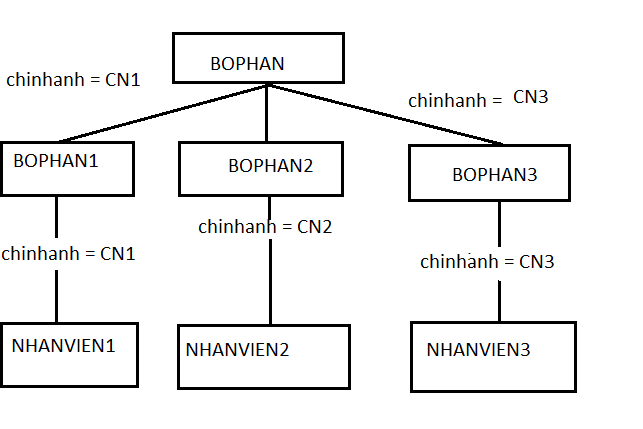
BoPhan2 = бChiNhanh = CN2 BoPhan

BoPhan3 = бChiNhanh = CN3 BoPhan

BoPhan = BoPhan1 Ս BoPhan2 Ս BoPhan3

TABLE \_NHANVIEN

Table NHANVIEN được phân mảnh ngang dẫn xuất theo thuộc tính chinhanh trong bảng bộ phận



NhanVien1 = (бChiNhanh = CN1 BoPhan)NhanVien

NhanVien2 = = (бChiNhanh = CN2 BoPhan)NhanVien

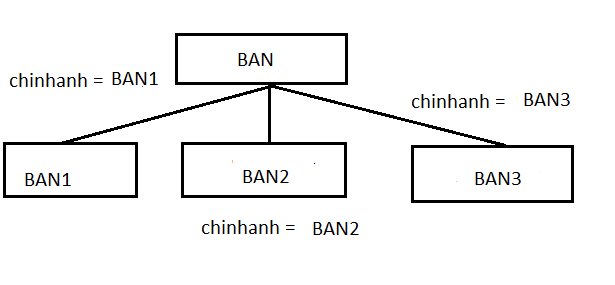
NhanVien3 = = (бChiNhanh = CN3 BoPhan)NhanVien

NhanVien = NhanVien1 Ս NhanVien1 Ս NhanVien1

TABLE \_BAN

BAN (BÀN) được phân ra làm 3 mảnh ngang theo từng chi nhánh bao gồm:

* + Bàn chi nhánh CN1
  + Bàn chi nhánh CN2
  + Bàn chi nhánh CN3



BAN1 = бChiNhanh = CN1 BAN

BAN2 = бChiNhanh = CN2 BAN

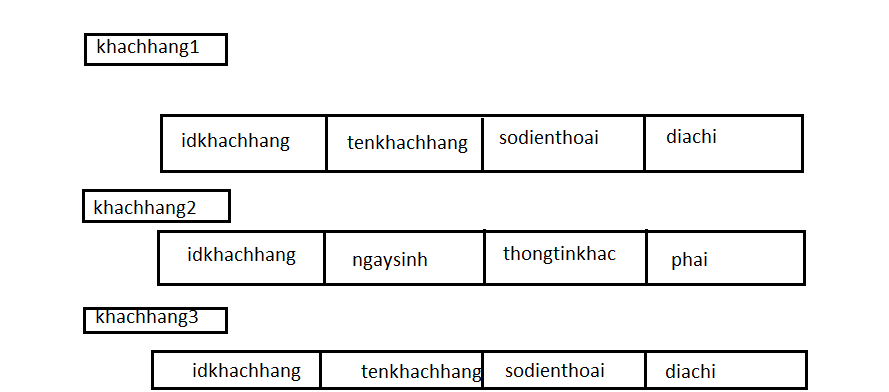
BAN3 = бChiNhanh = CN3 BAN

BAN = BAN1 Ս BAN2 Ս BAN3

TABLE \_KHACHHANG

Bảng khachhang được phân ra làm 3 mảnh dọc theo từng yêu cầu phù hợp:

* + Khachhang1 chứa các dữ liệu idkhachhang, tenkhachhang, sodienthoai, diachi.
  + Khachhang2 chứa các dữ liệu idkhachhang, ngaysinh, thongtinkhac, phai.
  + Khachhang3 chứa các dữ liệu idkhachhang, tenkhachhang, sodienthoai, diachi.



Khachhang1 = projection”idkhachhang, tenkhachhang, sodienthoai, diachi”(KhachHang)

Khachhang2 = projection”idkhachhang, ngaysinh, thongtinkhac, phai”

(KhachHang)

Khachhang3 = projection” idkhachhang, tenkhachhang, sodienthoai, diachi”( KhachHang)

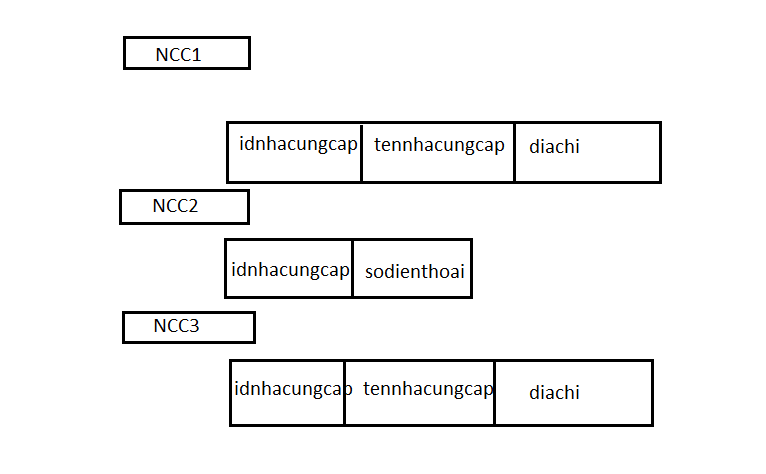
KhachHang = Khachhang1 Join” idkhachhang = idkhachhang” (Khachhang2)

and Khachhang3 Join” idkhachhang = idkhachhang” (Khachhang2)

TABLE NHACUNGCAP

Bảng NhaCungCap được phân ra làm 3 mảnh dọc theo từng yêu cầu phù hợp:

* + NCC1 chứa các dữ liệu idnhacungcap, tennhacungcap, diachi.
  + NCC2 chứa các dữ liệu idnhacungcap , sodienthoai.
  + NCC3 chứa các dữ liệu idnhacungcap, tennhacungcap, diachi.



NCC1 = projection”idnhacungcap, tennhacungcap, sodienthoai”(NhaCungCap)

NCC2 = projection”idnhacungcap, sodienthoai”

(NhaCungCap)

NCC3 = projection” idnhacungcap, tennhacungcap, sodienthoai”

(NhaCungCap)

NCC = NCC1 Join” idnhacungcap = idnhacungcap” (NCC2)

and NCC3 Join” idnhacungcap = idnhacungcap” (NCC2)

## **Một số truy vấn Phân tán trong Hệ quản trị CSDL:**

1. **Câu lệnh SQL:**
2. **Insert Dữ liệu mẫu:**

### **Stored Procedure và Trigger:**

-- TABLE CHINHANH

go

-- insert

create proc SP\_THEM\_CHINHANH

@IDCHINHANH NVARCHAR(10),

@TENCHINHANH nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

-- kiểm tra mã chi nhánh đã tồn tại chưa.

if exists (select \* from ChiNhanh where idchinhanh = @IDCHINHANH)

begin

raiserror('Mã chi nhánh đã tồn tại', 16, 1)

return

end

-- da insert vao tram\_1 hoac tram\_2 => insert vao may\_chu

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert into CHINHANH values (@IDCHINHANH, @TENCHINHANH, 'CN1', @SODIENTHOAI) -- THAY 'CN1' = 'CN2' NẾU LÀ MÁY TRẠM 2 (TRẠM 3 TƯƠNG TỰ)

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.qlvattu.dbo.ChiNhanh values (@IDCHINHANH, @TENCHINHANH, 'CN1', @SODIENTHOAI)

commit tran

end

go

-- TABLE CHINHANH

--delete

create proc SP\_XOA\_CHINHANH

@IDCHINHANH Nvarchar(10)

as

begin

if not exists (select \* from ChiNhanh where IDCHINHANH = @IDCHINHANH)

begin

raiserror('Mã chi nhánh không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.ChiNhanh where idchinhanh = @IDCHINHANH

delete ChiNhanh where idchinhanh = @IDCHINHANH

commit tran

end

-- TABLE CHINHANH

-- update

go

create proc sp\_Sua\_ChiNhanh

@IDCHINHANH NVARCHAR(10),

@TENCHINHANH nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update ChiNhanh set tenchinhanh = @TENCHINHANH, sodienthoai = @SODIENTHOAI where idchinhanh = @IDCHINHANH

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.ChiNhanh set tenchinhanh = @TENCHINHANH, sodienthoai = @SODIENTHOAI where idchinhanh = @IDCHINHANH

commit tran

end

go

--TABLE KHO

--insert

create proc sp\_Them\_Kho

@IDKHO NVARCHAR(20),

@TENKHO nvarchar(40),

@DIACHI nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert KHO values (@IDKHO, @TENKHO, @DIACHI, @SODIENTHOAI,'BPK')

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KHO values (@IDKHO, @TENKHO, @DIACHI, @SODIENTHOAI,'BPK')

commit tran

end

--TABLE KHO

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_Kho

@IDKHO NVARCHAR(20)

as

begin

if not exists (select \* from Kho where idkho = @IDKHO)

begin

raiserror('Mã kho không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 hoặc 3 VÀ MÁY CHỦ

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete Kho where idkho = @IDKHO

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.Kho where idkho = @IDKHO

commit tran

end

go

--TABLE KHO

-- update

create proc sp\_Sua\_Kho

@IDKHO NVARCHAR(20),

@TENKHO nvarchar(40),

@DIACHI nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update kho set TenKho = @TENKHO, diachi = @DIACHI , SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI where idkho = @IDKHO

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.kho set TenKho = @TENKHO, diachi = @DIACHI , SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI where idkho = @IDKHO

commit tran

end

--TABLE NGUYENLIEU

-- delete

create proc SP\_XOA\_NGUYENLIEU

@IDNGUYENLIEU nvarchar(20)

as

begin

-- kiểm tra id nguyên liệu không tồn tại

if not exists (select IDNGUYENLIEU from NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('nguyên liệu không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- delete

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

delete NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

delete QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU -- NẾU LÀ TRẠM 1 INSERT VÀO 3 TRẠM CÒN LẠI

--delete QLVT\_TRAM\_3.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

--delete QLVT\_TRAM\_4.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

commit tran

end

--TABLE NGUYENLIEU

-- update

go

create proc SP\_SUA\_NGUYENLIEU

@IDNGUYENLIEU nvarchar(20),

@TENNGUYENLIEU nvarchar(40),

@TRANGTHAI nvarchar(10),

@MOTA NVARCHAR(10),

@SOLUONG SMALLINT,

@IDLOAINGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@DONVITINH NCHAR(20),

@GIANHAP MONEY

as

begin

if not exists (select IDNGUYENLIEU from NGUYENLIEU where IDNGUYENLIEU = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('Nguyên liệu không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- update

set xact\_abort on

begin distributed tran

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU

SET TENNGUYENLIEU = @TENNGUYENLIEU,trangthai = @TRANGTHAI,MOTA = @MOTA,SOLUONG = @SOLUONG, IDNGUYENLIEU = @IDLOAINGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH,GIANHAP = @GIANHAP

where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

update NGUYENLIEU

SET TENNGUYENLIEU = @TENNGUYENLIEU,trangthai = @TRANGTHAI,MOTA = @MOTA,SOLUONG = @SOLUONG, IDNGUYENLIEU = @IDLOAINGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH,GIANHAP = @GIANHAP -- NẾU LÀ TRẠM 1 UPDATE Ở 3 TRẠM CÒN LẠI (BAO GỒM MÁY CHỦ)

where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

update QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU

SET TENNGUYENLIEU = @TENNGUYENLIEU,trangthai = @TRANGTHAI,MOTA = @MOTA,SOLUONG = @SOLUONG, IDNGUYENLIEU = @IDLOAINGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH,GIANHAP = @GIANHAP

where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

--update QLVT\_TRAM\_3.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NGUYENLIEU

--SET TENNGUYENLIEU = @TENNGUYENLIEU,trangthai = @TRANGTHAI,MOTA = @MOTA,SOLUONG = @SOLUONG, IDNGUYENLIEU = @IDLOAINGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH,GIANHAP = @GIANHAP

--where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU

commit tran

end

-- TABLE NHANVIEN

-- insert

go

--TABLE NHANVIEN

-- insert

create proc sp\_Them\_NhanVien

@idnhanvien nvarchar(20),

@tennhanvien nvarchar(60),

@diachi nvarchar(40),

@sodienthoai nvarchar(24),

@email nvarchar(40),

@LUONG MONEY,

@CHUCVU NVARCHAR(20),

@gioitinh nvarchar(10),

@ngaysinh date,

@ngaybatdau date,

@idbophan NVARCHAR(20),

@Quyen nvarchar(20)

as

begin

insert into NHANVIEN values (@idnhanvien, @tennhanvien, @diachi, @sodienthoai, @email, @LUONG, @CHUCVU, @gioitinh, @ngaysinh, @ngaybatdau, @idbophan,@Quyen)

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NhanVien

values (@idnhanvien, @tennhanvien, @diachi, @sodienthoai, @email, @LUONG, @CHUCVU, @gioitinh, @ngaysinh, @ngaybatdau, @idbophan,@Quyen)

end

go

--TABLE NHANVIEN

-- delete

create proc sp\_Xoa\_NhanVien

@tennhanvien nvarchar(60)

as

begin

delete NhanVien where tennhanvien = @tennhanvien

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NhanVien where tennhanvien = @tennhanvien

end

--TABLE NHANVIEN

-- update

go

select \* from NHANVIEN

create proc sp\_Sua\_NhanVien

@idnhanvien nvarchar(20),

@tennhanvien nvarchar(60),

@diachi nvarchar(40),

@sodienthoai nvarchar(24),

@email nvarchar(40),

@LUONG MONEY,

@CHUCVU NVARCHAR(20),

@gioitinh nvarchar(10),

@ngaysinh date,

@ngaybatdau date,

@idbophan NVARCHAR(20),

@Quyen nvarchar(20)

as

begin

update NhanVien set tennhanvien = @tennhanvien, DIACHI = @diachi,SODIENTHOAI = @sodienthoai,EMAIL = @email,LUONG = @LUONG,CHUCVU = @CHUCVU,GIOITINH = @gioitinh,NGAYSINH = @ngaysinh,NGAYBATDAU = @ngaybatdau,idbophan = @idbophan,QUYEN = @Quyen where idnhanvien = @idnhanvien

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NhanVien set tennhanvien = @tennhanvien, DIACHI = @diachi,SODIENTHOAI = @sodienthoai,EMAIL = @email,LUONG = @LUONG,CHUCVU = @CHUCVU,GIOITINH = @gioitinh,NGAYSINH = @ngaysinh,NGAYBATDAU = @ngaybatdau,idbophan = @idbophan,QUYEN = @Quyen where idnhanvien = @idnhanvien

end

--TABLE KHACHHANG

-- TABLE KHACHHANG ĐƯỢC PHÂN MẢNH DỌC.

-- TRẠM 1 VÀ TRẠM 2 THUỘC CN1 CN2

-- + TRẠM 1 LƯU TRỮ THÔNG TIN (IDKHACHHANG, TENKHACHHANG,SODIENTHOAI, DIACHI)

-- + TRẠM 2 LƯU TRỮ THÔNG TIN (IDKHACHHANG, NGAYSINH, THONGTINKHAC, PHAI)

--TRẠM 3 THUỘC CN3

-- +TRẠM 3 TƯƠNG TỰ TRẠM 1 (CN3) PHÂM MẢNH DỌC ĐẾN TRẠM 2

go

create proc sp\_Them\_KhachHang --exec sp\_Them\_KhachHang 'KH7','Trần B','0912123123','1992/11/12','20/12 lý thường luận',null,'NAM'

@IDKHACHHANG NVARCHAR(40),

@TENKHACHHANG nvarchar(40),

@SODIENTHOAI nvarchar(24),

@NGAYSINH DATE,

@DIACHI NVARCHAR(40),

@THONGTINKHAC NVARCHAR(250),

@PHAI NVARCHAR(5)

as

begin

-- insert

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang values (@IDKHACHHANG, @TENKHACHHANG, @SODIENTHOAI, @NGAYSINH,@DIACHI,@THONGTINKHAC,@PHAI)

insert into KhachHang values (@IDKHACHHANG, @TENKHACHHANG, @SODIENTHOAI,@DIACHI)

insert into QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang values (@IDKHACHHANG, @NGAYSINH,@THONGTINKHAC, @PHAI)

end

--TABLE KHACHHANG

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_KhachHang

@IDKHACHHANG NVARCHAR(40)

as

begin

-- kiểm tra mã khách hàng

if not exists (select idkhachhang from KhachHang where idkhachhang = @IDKHACHHANG)

begin

raiserror('Mã khách hàng không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- delete

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang where idkhachhang = @IDKHACHHANG

delete KhachHang where idkhachhang = @IDKHACHHANG

delete QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang where idkhachhang = @IDKHACHHANG

commit tran

end

go

--TABLE KHACHHANG

-- update

go

create proc sp\_Sua\_KhachHang

@IDKHACHHANG NVARCHAR(40),

@TENKHACHHANG nvarchar(40),

@SODIENTHOAI nvarchar(24),

@NGAYSINH DATE,

@DIACHI NVARCHAR(40),

@THONGTINKHAC NVARCHAR(250),

@PHAI NVARCHAR(5)

as

begin

-- kiểm tra mã khách hàng

if not exists (select @IDKHACHHANG from KhachHang where idkhachhang = @IDKHACHHANG)

begin

raiserror('Mã khách hàng không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- update

UPDATE QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang

set tenkhachhang = @TENKHACHHANG,SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI, ngaysinh = @NGAYSINH, DIACHI = @DIACHI, thongtinkhac = @THONGTINKHAC, PHAI = @PHAI

where idkhachhang = @IDKHACHHANG

update KhachHang

set tenkhachhang = @TENKHACHHANG,SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI,DIACHI = @DIACHI

where idkhachhang = @IDKHACHHANG

UPDATE QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang

set ngaysinh = @NGAYSINH, thongtinkhac = @THONGTINKHAC,PHAI = @PHAI

where idkhachhang = @IDKHACHHANG

end

-- TABLE NHACUNGCAP ĐƯỢC PHÂN MẢNH DỌC.

-- TRẠM 1 VÀ TRẠM 2 THUỘC CN1 CN2

-- + TRẠM 1 LƯU TRỮ THÔNG TIN (IDNHACUNGCAP, TENNHACUNGCAP,DIACHI)

-- + TRẠM 2 LƯU TRỮ THÔNG TIN (IDNHACUNGCAP, SODIENTHOAI)

--TRẠM 3 THUỘC CN3

-- +TRẠM 3 TƯƠNG TỰ TRẠM 1 (CN3) PHÂM MẢNH DỌC ĐẾN TRẠM 2

go

create proc sp\_Them\_NhaCungCap

@IDNHACUNGCAP NVARCHAR(20),

@TENNHACUNGCAP nvarchar(40),

@DIACHI nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

-- kiểm tra mã nhà cung cấp

if exists (select idnhacungcap from NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP)

begin

raiserror('Mã nhà cung cấp đã tồn tại', 16, 1)

return

end

-- insert

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP values (@IDNHACUNGCAP, @TENNHACUNGCAP, @DIACHI, @SODIENTHOAI)

insert into NHACUNGCAP values (@IDNHACUNGCAP, @TENNHACUNGCAP, @DIACHI)

insert into QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP values (@IDNHACUNGCAP, @SODIENTHOAI)

end

update KhachHang

set tenkhachhang = @TENKHACHHANG,SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI,DIACHI = @DIACHI

where idkhachhang = @IDKHACHHANG

UPDATE QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.KhachHang

set ngaysinh = @NGAYSINH, thongtinkhac = @THONGTINKHAC,PHAI = @PHAI

where idkhachhang = @IDKHACHHANG

end

go

-- delete

create proc sp\_Xoa\_NhaCungCap

@IDNHACUNGCAP varchar(20)

as

begin

-- kiểm tra mã nhà cung cấp

if not exists (select idnhacungcap from NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP)

begin

raiserror('Mã nhà cung cấp không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- delete

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

delete NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

delete QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

commit tran

end

go

-- update

create proc sp\_Sua\_NhaCungCap

@IDNHACUNGCAP NVARCHAR(20),

@TENNHACUNGCAP nvarchar(40),

@DIACHI nvarchar(40),

@SODIENTHOAI NVARCHAR(24)

as

begin

-- kiểm tra mã nhà cung cấp

if not exists (select idnhacungcap from NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP)

begin

raiserror('Mã nhà cung cấp không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- insert

set xact\_abort on

begin distributed tran

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP

set tennhacungcap = @TENNHACUNGCAP, DIACHI = @DIACHI, SODIENTHOAI = @SODIENTHOAI

where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

update NHACUNGCAP

set tennhacungcap = @TENNHACUNGCAP, DIACHI = @DIACHI

where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

update QLVT\_TRAM\_2.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.NHACUNGCAP

set sodienthoai = @SODIENTHOAI

where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP

commit tran

end

go

-- table HOADONNHAP

-- insert

create proc sp\_Them\_PhieuNhap

@IDHOADONNHAP NVARCHAR(10),

@IDNHACUNGCAP NVARCHAR(20),

@NGAYNHAP DATE,

@TINHTRANG nvarchar(5),

@IDNHANVIEN NVARCHAR(20),

@IDNGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@GIANHAP MONEY,

@SOLUONG NVARCHAR(5),

@IDKHO nvarchar(20)

as

begin

-- kiểm tra mã phiếu nhập

if exists (select idhoadonnhap from HOADONNHAP where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP)

begin

raiserror('Mã phiếu nhập đã tồn tại', 16, 1)

return

end

-- kiểm tra mã nhà cung cấp

if not exists (select idnhacungcap from NHACUNGCAP where idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP)

begin

raiserror('Mã nhà cung cấp không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- kiểm tra mã nhân viên

if not exists (select IDNHANVIEN from NHANVIEN where IDNHANVIEN = @IDNHANVIEN)

begin

raiserror('Mã nhân viên không không tại', 16, 1)

return

end

-- kiểm tra mã nguyên liệu

if not exists (select idnguyenlieu from NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('Mã nguyên liệu không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- insert

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.hoadonnhap

values (@IDHOADONNHAP,@IDNHACUNGCAP,@NGAYNHAP,@TINHTRANG,@IDNHANVIEN,NULL,@IDKHO)

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.chitiethoadonnhap

values (@IDHOADONNHAP,@IDNGUYENLIEU,@GIANHAP,@SOLUONG,NULL)

insert into hoadonnhap

values (@IDHOADONNHAP,@IDNHACUNGCAP,@NGAYNHAP,@TINHTRANG,@IDNHANVIEN,NULL,@IDKHO)

insert into chitiethoadonnhap

values (@IDHOADONNHAP,@IDNGUYENLIEU,@GIANHAP,@SOLUONG,NULL)

exec sp\_Them\_CHITIETKHO @IDKHO,@IDNGUYENLIEU,@SOLUONG

end

go

--trigger

create trigger sp\_tudongnhantien on chitiethoadonnhap

after insert,update

as

begin

update CHITIETHOADONNHAP

set thanhtien = soluong \* gianhap

update HOADONNHAP

set thanhtien = CHITIETHOADONNHAP.thanhtien from CHITIETHOADONNHAP

where HOADONNHAP.idhoadonnhap = CHITIETHOADONNHAP.idhoadonnhap

end

go

-- delete

create proc sp\_Xoa\_PhieuNhap --exec sp\_xoa\_phieunhap 'HDN2'

@idhoadonnhap nvarchar(10)

as

begin

-- kiểm tra mã nhà phiếu nhâp

if not exists (select idhoadonnhap from hoadonnhap where idhoadonnhap = @idhoadonnhap)

begin

raiserror('Mã phiếu nhâp không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- delete

delete CHITIETHOADONNHAP where idhoadonnhap = @idhoadonnhap

delete HOADONNHAP where idhoadonnhap = @idhoadonnhap

--xóa trên phiếu chi tiết nhập

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.chitiethoadonnhap where idhoadonnhap = @idhoadonnhap

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.hoadonnhap where idhoadonnhap = @idhoadonnhap

--xóa trên phiếu chi tiết nhập

end

go

-- update

alter proc sp\_Sua\_PhieuNhap

@IDHOADONNHAP NVARCHAR(10),

@IDNHACUNGCAP NVARCHAR(20),

@NGAYNHAP DATE,

@TINHTRANG nvarchar(5),

@IDNHANVIEN NVARCHAR(20),

@IDNGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@GIANHAP MONEY,

@SOLUONG NVARCHAR(5),

@IDKHO nvarchar(20)

as

begin

-- kiểm tra mã phiếu nhập

if not exists (select IDHOADONNHAP from HOADONNHAP where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP)

begin

raiserror('Mã phiếu nhập không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- update

set xact\_abort on

begin distributed tran

update HOADONNHAP set idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP, ngaynhap = @NGAYNHAP,tinhtrang = @TINHTRANG,idnhanvien = @IDNHANVIEN , idkho = @idkho where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP

update CHITIETHOADONNHAP set idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU, gianhap = @GIANHAP , soluong = @SOLUONG where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP

update QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.hoadonnhap set idnhacungcap = @IDNHACUNGCAP, ngaynhap = @NGAYNHAP,tinhtrang = @TINHTRANG,idnhanvien = @IDNHANVIEN,idkho = @idkho where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP

update QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.CHITIETHOADONNHAP set idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU, gianhap = @GIANHAP , soluong = @SOLUONG where idhoadonnhap = @IDHOADONNHAP

commit tran

end

go

-- table PHIEUXUAT

-- insert

create proc sp\_Them\_PHIEUXUAT

@IDHOADON NVARCHAR(20),

@TRANGTHAITHANHTOAN NVARCHAR(10),

@THOIGIAN DATETIME,

@CODE nvarchar(250),

@IDKHACHHANG NVARCHAR(20),

@IDBAN NVARCHAR(20),

@IDNHANVIENTHANHTOAN NVARCHAR(20),

@GIAHIENTAI MONEY,

@IDMON NVARCHAR(20),

@VAT FLOAT,

@SOLUONG SMALLINT

as

begin

if exists (select idhoadon from HOADON where idhoadon = @IDHOADON)

begin

raiserror('Mã phiếu xuất đã tồn tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select IDKHACHHANG from KHACHHANG where IDKHACHHANG = @IDKHACHHANG)

begin

raiserror('Mã khách hàng không tồn tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select IDNHANVIEN from NHANVIEN where IDNHANVIEN = @IDNHANVIENTHANHTOAN)

begin

raiserror('Mã id không không tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select idmon from THUCDON where idmon =@IDMON )

begin

raiserror('Mã món ăn không tồn tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select idban from BAN where idban = @IDBAN)

begin

raiserror('Mã bàn không không tại', 16, 1)

return

end

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.hoadon

values (@IDHOADON,@TRANGTHAITHANHTOAN,@THOIGIAN,@code,@IDKHACHHANG,@idban,@IDNHANVIENTHANHTOAN,null)

insert into QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.chitiethoadon

values (@IDHOADON,@GIAHIENTAI,@IDMON,@VAT,@SOLUONG,null)

insert into HOADON

values (@IDHOADON,@TRANGTHAITHANHTOAN,@THOIGIAN,@code,@IDKHACHHANG,@idban,@IDNHANVIENTHANHTOAN,null)

insert into CHITIETHOADON

values (@IDHOADON,@GIAHIENTAI,@IDMON,@VAT,@SOLUONG,null)

end

go

--trigger

create trigger sp\_tudongnhantienhoadon on CHITIETHOADON

after insert,update

as

begin

update CHITIETHOADON

set thanhtien = giahientai \* Soluong

update HOADON

set TongTien = CHITIETHOADON.thanhtien + (CHITIETHOADON.thanhtien/100 \* CHITIETHOADON.VAT) from CHITIETHOADON

where HOADON.idhoadon = CHITIETHOADON.idhoadon

end

go

go

-- update

create proc sp\_Sua\_PhieuXuat

@IDHOADON NVARCHAR(20),

@TRANGTHAITHANHTOAN NVARCHAR(10),

@THOIGIAN DATETIME,

@CODE nvarchar(250),

@IDKHACHHANG NVARCHAR(20),

@IDBAN NVARCHAR(20),

@IDNHANVIENTHANHTOAN NVARCHAR(20),

@GIAHIENTAI MONEY,

@IDMON NVARCHAR(20),

@VAT FLOAT,

@SOLUONG SMALLINT

as

begin

-- kiểm tra mã phiếu nhập

if not exists (select idhoadon from hoadon where idhoadon = @IDHOADON)

begin

raiserror('Mã phiếu xuất không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- update

set xact\_abort on

begin distributed tran

update HOADON set trangthaithanhtoan = @TRANGTHAITHANHTOAN, thoigian = @THOIGIAN, code = @code,idkhachhang = @IDKHACHHANG , idban = @IDBAN, idnhanvienthanhtoan = @IDNHANVIENTHANHTOAN where idhoadon = @IDHOADON

update CHITIETHOADON set giahientai = @GIAHIENTAI, idmon = @IDMON, VAT = @vat,soluong = @SOLUONG where idhoadon = @IDHOADON

update QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.HOADON set trangthaithanhtoan = @TRANGTHAITHANHTOAN, thoigian = @THOIGIAN, code = @code,idkhachhang = @IDKHACHHANG , idban = @IDBAN, idnhanvienthanhtoan = @IDNHANVIENTHANHTOAN where idhoadon = @IDHOADON

update QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.CHITIETHOADON set giahientai = @GIAHIENTAI, idmon = @IDMON, VAT = @vat,soluong = @SOLUONG where idhoadon = @IDHOADON

commit tran

end

-- delete

create proc sp\_Xoa\_PhieuXuat

@idhoadon nvarchar(20)

as

begin

-- kiểm tra mã phiếu xuẩt

if not exists (select idhoadon from hoadon where idhoadon = @idhoadon)

begin

raiserror('Mã phiếu xuất không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- delete

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.hoadon where idhoadon = @idhoadon

--xóa trên phiếu chi tiết nhập

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.quanlychuoinhahang.dbo.chitiethoadon where idhoadon = @idhoadon

--xóa trên phiếu chi tiết nhập

delete hoadon where idhoadon = @idhoadon

delete CHITIETHOADON where idhoadon = @idhoadon

commit tran

end

--TABLE BAN

--insert

GO

create proc sp\_Them\_BAN

@IDBAN NVARCHAR(20),

@TENBAN nvarchar(50),

@TRANGTHAI nvarchar(20),

@IDCHINHANH NVARCHAR(10)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert BAN values (@IDBAN, @TENBAN, @TRANGTHAI,'CN1')

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.BAN values (@IDBAN, @TENBAN, @TRANGTHAI,'CN1')

commit tran

end

--TABLE BAN

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_BAN

@IDBAN NVARCHAR(20)

as

begin

if not exists (select \* from BAN where IDBAN = @IDBAN)

begin

raiserror(' ban không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete ban where IDBAN = @IDBAN

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.BAN where IDBAN = @IDBAN

commit tran

end

go

--TABLE BAN

-- update

create proc sp\_Sua\_BAN

@IDBAN NVARCHAR(20),

@TENBAN nvarchar(50),

@TRANGTHAI nvarchar(20),

@IDCHINHANH NVARCHAR(10)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update BAN set TENBAN = @TENBAN, TRANGTHAI = @TRANGTHAI where IDBAN = @IDBAN

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.BAN set TENBAN = @TENBAN, TRANGTHAI = @TRANGTHAI where IDBAN = @IDBAN

commit tran

end

--TABLE LOAINGUYENLIEU

--insert

GO

create proc sp\_Them\_LOAINGUYENLIEU

@IDLOAINGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@TENLOAINGUYENLIEU nvarchar(60)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert LOAINGUYENLIEU values (@IDLOAINGUYENLIEU, @TENLOAINGUYENLIEU)

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAINGUYENLIEU values (@IDLOAINGUYENLIEU, @TENLOAINGUYENLIEU)

commit tran

end

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_LOAINGUYENLIEU

@IDLOAINGUYENLIEU NVARCHAR(20)

as

begin

if not exists (select \* from LOAINGUYENLIEU where idloainguyenlieu = @IDLOAINGUYENLIEU)

begin

raiserror(' LOAI NGUYEN LIEU không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete LOAINGUYENLIEU where idloainguyenlieu = @IDLOAINGUYENLIEU

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAINGUYENLIEU where idloainguyenlieu = @IDLOAINGUYENLIEU

commit tran

end

go

--TABLE LOAINGUYENLIEU

-- update

create proc sp\_Sua\_LOAINGUYENLIEU

@IDLOAINGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@TENLOAINGUYENLIEU NVARCHAR(60)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update LOAINGUYENLIEU set tenloainguyenlieu = @TENLOAINGUYENLIEU where idloainguyenlieu = @IDLOAINGUYENLIEU

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAINGUYENLIEU set tenloainguyenlieu = @TENLOAINGUYENLIEU where idloainguyenlieu = @IDLOAINGUYENLIEU

commit tran

end

--TABLE THUCDON

--insert

GO

create proc sp\_Them\_MONAN

@IDMON NVARCHAR(20),

@TENMON nvarchar(60),

@IDLOAITHUCDON NVARCHAR(20),

@DONGIA MONEY,

@MOTA NVARCHAR(250),

@HINHANH NVARCHAR(250),

@IDNGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@DONVITINH NVARCHAR(20)

as

begin

if exists (select IDMON from THUCDON where IDMON = @IDMON)

begin

raiserror(' MON AN DA CO TRONG THUC DON', 16, 1)

return

end

if not exists (select IDLOAITHUCDON from LOAITHUCDON where IDLOAITHUCDON = @IDLOAITHUCDON)

begin

raiserror(' LOAI THUC DON không tồn tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select IDNGUYENLIEU from NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('NGUYEN LIEU không tồn tại', 16, 1)

return

end

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert THUCDON values (@IDMON,@TENMON,@IDLOAITHUCDON,@DONGIA,@MOTA,@HINHANH,@IDNGUYENLIEU,@DONVITINH)

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.THUCDON

values (@IDMON,@TENMON,@IDLOAITHUCDON,@DONGIA,@MOTA,@HINHANH,@IDNGUYENLIEU,@DONVITINH)

commit tran

end

--TABLE THUCDON

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_MONAN

@IDMON NVARCHAR(20)

as

begin

if not exists (select IDMON from THUCDON where IDMON = @IDMON)

begin

raiserror(' MON AN không tồn tại', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete THUCDON where IDMON = @IDMON

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.THUCDON where IDMON = @IDMON

commit tran

end

-- update

create proc sp\_Sua\_MONAN

@IDMON NVARCHAR(20),

@TENMON nvarchar(60),

@IDLOAITHUCDON NVARCHAR(20),

@DONGIA MONEY,

@MOTA NVARCHAR(250),

@HINHANH NVARCHAR(250),

@IDNGUYENLIEU NVARCHAR(20),

@DONVITINH NVARCHAR(20)

as

begin

if not exists (select IDLOAITHUCDON from LOAITHUCDON where IDLOAITHUCDON = @IDLOAITHUCDON)

begin

raiserror(' LOAI THUC DON không tồn tại', 16, 1)

return

end

if not exists (select IDNGUYENLIEU from NGUYENLIEU where idnguyenlieu = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('NGUYEN LIEU không tồn tại', 16, 1)

return

end

set xact\_abort on

begin distributed tran

update THUCDON set IDMON = @IDMON,TENMON = @TENMON,IDLOAITHUCDON = @IDLOAITHUCDON,DONGIA = @DONGIA, MOTA = @MOTA,HINHANH = @HINHANH,IDNGUYENLIEU = @IDNGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH WHERE IDMON = @IDMON

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.THUCDON set IDMON = @IDMON,TENMON = @TENMON,IDLOAITHUCDON = @IDLOAITHUCDON,DONGIA = @DONGIA, MOTA = @MOTA,HINHANH = @HINHANH,IDNGUYENLIEU = @IDNGUYENLIEU,DONVITINH = @DONVITINH WHERE IDMON = @IDMON

end

--TABLE LOAITHUCDON

--insert

GO

create proc sp\_Them\_LOAITHUCDON

@IDLOAITHUCDON NVARCHAR(20),

@TENLOAITHUCDON nvarchar(60),

@TRANGTHAI NVARCHAR(10)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert LOAITHUCDON values (@IDLOAITHUCDON, @TENLOAITHUCDON,@TRANGTHAI)

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAITHUCDON values (@IDLOAITHUCDON, @TENLOAITHUCDON,@TRANGTHAI)

commit tran

end

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_LOAITHUCDON

@IDLOAITHUCDON NVARCHAR(20)

as

begin

if exists (select \* from LOAITHUCDON where idloaithucdon = @IDLOAITHUCDON)

begin

raiserror(' LOAI THUC DON DA CO', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete LOAITHUCDON where idloaithucdon = @IDLOAITHUCDON

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAITHUCDON where idloaithucdon = @IDLOAITHUCDON

commit tran

end

go

-- update

create proc sp\_Sua\_LOAITHUCDON

@IDLOAITHUCDON NVARCHAR(20),

@TENLOAITHUCDON nvarchar(60),

@TRANGTHAI NVARCHAR(10)

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update LOAITHUCDON set tenloaithucdon = @TENLOAITHUCDON,TRANGTHAI = @TRANGTHAI where idloaithucdon = @IDLOAITHUCDON

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.LOAITHUCDON set tenloaithucdon = @TENLOAITHUCDON,TRANGTHAI = @TRANGTHAI where idloaithucdon = @IDLOAITHUCDON

commit tran

end

--TABLE CHITIETKHO

--insert

GO

create proc sp\_Them\_CHITIETKHO

@IDKHO NVARCHAR(20),

@IDNGUYENLIEU nvarchar(20),

@SOLUONGTON SMALLINT

as

begin

if NOT exists (select IDKHO from KHO where IDKHO = @IDKHO)

begin

raiserror('KHO KHONG TON TAI', 16, 1)

return

end

if NOT exists (select IDNGUYENLIEU from NGUYENLIEU where IDNGUYENLIEU = @IDNGUYENLIEU)

begin

raiserror('NGUYEN LIEU KHONG TON TAI', 16, 1)

return

end

set xact\_abort on

begin distributed tran

insert CHITIETKHO values (@IDKHO, @IDNGUYENLIEU,@SOLUONGTON)

insert QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.CHITIETKHO values (@IDKHO, @IDNGUYENLIEU,@SOLUONGTON)

commit tran

end

--TABLE CHITIETKHO

-- delete

go

create proc sp\_Xoa\_CHITIETKHO

@IDKHO NVARCHAR(20)

as

begin

if NOT exists (select \* from CHITIETKHO where idkho = @IDKHO)

begin

raiserror('BAN CHI TIET KHO KHONG TON TAI', 16, 1)

return

end

-- đã delete trong trạm 1 hoặc 2 => delete ở MAY\_CHU

set xact\_abort on

begin distributed tran

delete CHITIETKHO where idkho = @IDKHO

delete QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.CHITIETKHO where idkho = @IDKHO

commit tran

end

go

--TABLE CHITIETKHO

-- update

create proc sp\_Sua\_CHITIETKHO

@IDKHO NVARCHAR(20),

@IDNGUYENLIEU nvarchar(20),

@SOLUONGTON SMALLINT

as

begin

set xact\_abort on

begin distributed tran

update CHITIETKHO set soluongton = @SOLUONGTON where IDKHO = @IDKHO

update QLVT\_LINKED\_SERVER.QUANLYCHUOINHAHANG.dbo.CHITIETKHO set soluongton = @SOLUONGTON where IDKHO = @IDKHO

commit tran

end

GO

CREATE TRIGGER TRG\_SOLUONG ON CHITIETHOADONNHAP

AFTER INSERT, DELETE, UPDATE

AS

BEGIN

UPDATE CHITIETKHO SET soluongton = SOLUONGTON + Soluong FROM CHITIETHOADONNHAP WHERE CHITIETKHO.idnguyenlieu = CHITIETHOADONNHAP.idnguyenlieu

END

go

create proc sp\_get\_ban

as

begin

select \* from ban

end

--get khachhang

create proc sp\_get\_khachhang

as

begin

select T1.idkhachhang, T1.tenkhachhang, T1.sodienthoai, t2.ngaysinh, T1.diachi,t2.thongtinkhac,t2.phai

from

(select \* from QLVT\_TRAM\_2.quanlychuoinhahang.dbo.KhachHang) T2

join (select \* from KhachHang) T1

on T1.idkhachhang = T2.idkhachhang

end

go

create proc sp\_get\_nhacungcap

as

begin

select T1.idnhacungcap, t1.tennhacungcap, t1.diachi, t2.sodienthoai

from

(select \* from QLVT\_TRAM\_2.quanlychuoinhahang.dbo.nhacungcap) T2

join (select \* from nhacungcap) T1

on T1.idnhacungcap = T2.idnhacungcap

end

### *Thiết kế mô hình CSDL Phân tán cho hệ thống:*

1. *Phân mảnh dữ liệu:*
2. *Mô tả sử dụng CSDL cho mỗi trạm:*
3. *Quá trình nghiệp vụ mỗi trạm:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Login thành công** | | | |
| 1 | Truy cập vào ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Nhập đầy đủ thông tin yêu cầu |  |  |
| 4 | Nhấn Đăng Nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng |

Đăng nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: xóa tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa tài khoản |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa tài khoản |
| 8 | Chọn tài khoản cần xóa |  |  |
|  |  | 9 | Hệ thống hỏi “bạn có chắc chắn muốn xóa không?” |
| 9 | Nhấn “Đồng ý” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa tài khoản thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý tài khoản |

Xóa tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: sứa tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng sửa tài khoản |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện sửa tài khoản |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin |  |  |
| 9 | Nhấn sửa tài khoản |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo cập nhật tài khoản thành công |
|  |  | 11 | Kiểm tra thông tin tài khoản mới, thêm vào database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý tài khoản |

Sửa tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm tài khoản thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm tài khoản |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm tài khoản |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin |  |  |
| 9 | Nhấn thêm tài khoản |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm tài khoản thành công |
|  |  | 11 | Kiểm tra thông tin tài khoản mới, thêm vào database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý tài khoản |

Thêm tài khoản

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm món ăn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của món ăn |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm món ăn” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Thêm món ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: sửa món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng sửa món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện sửa món ăn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của món ăn |  |  |
| 9 | Nhấn “Sửa món ăn” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo cập nhật món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Sửa thông tin món ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa món ăn |
| 8 | Chọn món ăn cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa món ăn” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Xóa món ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm loại món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm loại món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm loại món ăn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của loại món ăn |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm loại món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Thêm loại thực đơn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Sửa loại món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng sửa loại món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện sửa loại món ăn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của loại món ăn |  |  |
| 9 | Nhấn “Cập nhật” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo cập nhật món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Sửa loại thực đơn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa loại món ăn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa loại món ăn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa loại món ăn |
| 8 | Chọn loại món ăn cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa loại món ăn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý món ăn |

Xóa loại món ăn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm bàn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user nhân viên |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho nhân viên |
| 6 | Vào chức năng thêm bàn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm bàn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin theo yêu cầu |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm bàn” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm bàn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý bàn |

Thêm bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Sửa thông tin bàn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user nhân viên |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho nhân viên |
| 6 | Vào chức năng sửa thông tin bàn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện sửa thông tin bàn |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin cần sửa theo yêu cầu |  |  |
| 9 | Nhấn “Cập nhật” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo cập nhật bàn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý bàn |

Sửa thông tin bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa bàn thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user nhân viên |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho nhân viên |
| 6 | Vào chức năng xóa bàn |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa bàn |
| 8 | Chọn bàn cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa bàn thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý bàn |

Xóa bàn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm nguyên liệu thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm nguyên liệu |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm nguyên liệu |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của nguyên liệu |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm nguyên liệu” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm nguyên liệu thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý nguyên liệu |

Thêm nguyên liệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm nguyên liệu thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng sửa thông tin nguyên liệu |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện sửa thông tin nguyên liệu |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của nguyên liệu |  |  |
| 9 | Nhấn “sửa nguyên liệu” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo sửa nguyên liệu thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý nguyên liệu |

Sửa thông tin nguyên liệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa nguyên liệu thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa nguyên liệu |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa nguyên liệu |
| 8 | Chọn nguyên liệu cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa nguyên liệu thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý nguyên liệu |

Xóa nguyên liệu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm phiếu nhập thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm phiếu nhập |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm phiếu nhập |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của phiếu nhập |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm phiếu nhập” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm phiếu nhập thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý phiếu nhập |

Thêm Phiếu nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa phiếu nhập thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa phiếu nhập |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa phiếu nhập |
| 8 | Chọn phiếu nhập cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa phiếu nhập thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý phiếu nhập |

Xóa phiếu nhập

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Thêm phiếu xuất thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng thêm phiếu **xuất** |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện thêm phiếu **xuất** |
| 8 | Nhập đầy đủ thông tin của phiếu **xuất** |  |  |
| 9 | Nhấn “Thêm phiếu **xuất**” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thêm phiếu **xuất** thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý phiếu **xuất** |

Thêm phiếu xuất

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Actor** | | **System** | |
| **Main Flow: Xóa phiếu xuất thành công** | | | |
| 1 | Truy cập ứng dụng |  |  |
|  |  | 2 | Hiển thị giao diện đăng nhập |
| 3 | Đăng nhập bằng user admin |  |  |
| 4 | Nhấn đăng nhập |  |  |
|  |  | 5 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo thành công và hiển thị màn hình chức năng cho admin |
| 6 | Vào chức năng xóa phiếu xuất |  |  |
|  |  | 7 | Hiển thị giao diện xóa phiếu xuất |
| 8 | Chọn phiếu xuất cần xóa |  |  |
| 9 | Nhấn “Xóa” |  |  |
|  |  | 10 | Hệ thống xác nhận thông tin gửi lên sever kiểm tra nếu thông tin hợp lệ thì thông báo xóa phiếu xuất thành công |
|  |  | 11 | Cập nhật database nếu hợp lệ và quay lại trang quản lý phiếu xuất |

Xóa phiếu xuất